

Bản án số: 86/2017/HSPT
Ngày 05/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông;

Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trí Thức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 và ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2017/HSPT ngày 03 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Bùi Hữu H. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2017/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo:

Bùi Hữu H (tên gọi khác: T), sinh năm 1970 tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Số A, khu phố C, phường C1, thành phố T, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Thợ hồ; con ông Bùi Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1944); có vợ là Nguyễn Hồng H2, sinh năm 1975; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 05/9/2013 đến ngày 11/9/2013 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

Họ và tên các bị cáo không có kháng cáo:

1. Nguyễn Hồng H2, sinh năm 1975 tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Số B, tổ E, khu phố C2, phường C1, thành phố T, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1948 và bà Bùi Kim L, sinh năm 1949; có chồng là Bùi Hữu H, sinh năm 1970; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

2. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962 tại tỉnh Bạc Liêu; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H1, huyện P, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: Khu phố C, phường C1, thành phố T, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông

Nguyễn Văn H3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H4 (đã chết); có chồng là Trần Văn P, sinh năm 1950; có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2013 đến ngày 11/9/2013 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 11/4/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T và Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2017/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 05/9/2013, Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương phát hiện bắt quả tang Nguyễn Hồng H2, Bùi Hữu H và Nguyễn Thị Đ đang ngồi thống kê số đề tại nhà của Đ thuộc khu phố C, phường C1, thành phố T, tỉnh Bình Dương, thu giữ 01 tờ phoi đề có ghi các con số, có chữ ký của Nguyễn Thị Đ và một số vật chứng khác.

Quá trình điều tra các H, H2 và Đ khai nhận: Khoảng tháng 7 năm 2013, H2 bàn bạc với H tổ chức ghi số đề để thắng thua trực tiếp với các con bạc. Hằng ngày, H đi làm thuê rồi cho những người quen biết việc H và H2 có tổ chức ghi số đề, nếu ai muốn ghi số đề thì đến nhà của H gặp H2 ghi số đề hoặc nhắn tin vào số thuê bao 0919.487.5X của H hoặc số thuê bao 0933.693.3Y của H2 để ghi số đề. Khi có người nhắn tin ghi số đề, H sử dụng điện thoại di động gọi cho H2 đọc các số đề và tiền ghi đề để H2 tổng hợp thành phoi rồi tính thắng thua trực tiếp với những người chơi. Bình quân mỗi ngày H và H2 ghi số đề cho từ 08 đến 15 người (không rõ nhân thân, lai lịch), được số tiền từ 3.000.000 (ba triệu) đồng đến 5.000.000 (năm triệu) đồng. Đến khoảng 16 giờ, H và H2 không nhận ghi số đề nữa mà tổng hợp tiền và số đề ghi được trong ngày để tính thắng thua trực tiếp với những người chơi. Nếu có người trúng số đề thì H2 sẽ giao tiền trúng cho H để giao cho những người chơi. Ngoài việc trực tiếp ghi số đề cho những người chơi, ngày 20/8/2013, H2 đến nhà người quen của H2 là Nguyễn Thị Đ ở cùng phường C1, thành phố T rủ Đ nhận ghi số đề rồi giao lại cho H2 để hưởng 05% tiền hoa hồng trên tổng số tiền ghi đề thì Đ đồng ý. Đ cho những người quen biết việc Đ có ghi số đề, nếu ai muốn ghi số đề thì đến gặp Đ. Khi có người ghi số đề, Đ sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia 1280 có số thuê bao 01689.595.3Z gọi cho H2 đọc các số đề và tiền ghi số đề để H2 thống kê thành phoi. Bình quân mỗi ngày Đ ghi số đề cho 03 đến 04 người chơi (không rõ nhân thân, lai lịch), được số tiền từ 500.000 (năm trăm nghìn) đồng đến 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Hình thức thắng thua như sau: Đối với hình thức ghi số đề 02 con số mà trúng thì tỷ lệ 01 (một) đồng trúng được 70 (bảy mươi) đồng; đối với hình thức ghi số đề 03 con số mà trúng thì tỷ lệ 01 (một) đồng trúng được 600 (sáu trăm) đồng, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết trong ngày để đối chiếu kết quả thắng thua. Khi có kết quả xổ số, H chở H2 đến gặp Đ để lấy tiền ghi số đề, nếu có người trúng số đề thì H2 sẽ giao tiền trúng cho Đ để giao cho những người chơi.

Qua thống kê phoi đề của ngày 05/9/2013: Đ đã ghi số đề cho 01 người chơi (không rõ nhân thân, lai lịch) theo đài xổ số kiến thiết tỉnh Tây Ninh, được số tiền

1.842.000 (một triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn) đồng và 01 người chơi (không rõ nhân thân, lai lịch) theo đài xổ số kiến thiết thành phố Hà Nội, được số tiền 744.000 (bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng và đã giao số tiền này cho H2. H và H2 đã ghi số đề cho 11 người chơi (không rõ nhân thân, lai lịch) theo đài xổ số kiến thiết tỉnh Tây Ninh, được số tiền là 1.138.000 (một triệu một trăm ba mươi tám nghìn) đồng. Qua kiểm tra tin nhắn điện thoại di động của H2 vào ngày 05/9/2013 thì có số điện thoại 0937.124.992 gửi tin nhắn với nội dung ghi số đề theo đài xổ số kiến thiết tỉnh Tây Ninh được tổng số tiền 1.335.500 (một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm) đồng. Như vậy, H2, H và Đ đã ghi số đề cho 13 người chơi theo đài xổ số kiến thiết tỉnh Tây Ninh được tổng số tiền 4.315.500 (bốn triệu ba trăm mười lăm nghìn năm trăm) đồng và 01 người chơi theo đài xổ số kiến thiết thành phố Hà Nội được số tiền 744.000 (bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

Đối chiếu với kết quả xổ số đài xổ số kiến thiết tỉnh Tây Ninh ngày 05/9/2013, các số đề do Đ ghi có các số trúng là số 71, 02 số 78, với tổng số tiền là 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Như vậy, số tiền H2, H và Đ dùng vào việc đánh bạc theo đài xổ số kiến thiết tỉnh Tây Ninh ngày 05/9/2013 là 6.065.500 (sáu triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

Đối chiếu với kết quả xổ số đài xổ số kiến thiết thành phố Hà Nội ngày 05/9/2013, các số đề do Đ ghi có các số trúng là 41 và 38, với tổng số tiền là 840.000 (tám trăm bốn mươi nghìn) đồng. Như vậy, số tiền H2, H và Đ dùng vào việc đánh bạc theo đài xổ số kiến thiết thành phố Hà Nội ngày 05/9/2013 là 1.584.000 (một triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Đối với số tiền thu lợi bất chính: Trong quá trình điều tra, ngoài lời khai của H, H2 và Đ, không có chứng cứ khác xác định H và H2 thu lợi bất chính số tiền 25.250.000 (hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng và Đ thu lợi bất chính số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng nên không đủ căn cứ xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2017/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Bùi Hữu H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Bùi Hữu H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ 05/9/2013 đến ngày 11/9/2013.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Thị Đ số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng cùng về tội “Tổ chức đánh bạc”; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2017, bị cáo Bùi Hữu H có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do bị cáo là lao động chính, phải chăm sóc mẹ già, con nhỏ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng, quá trình điều tra, truy tố cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát vi phạm về thời hạn điều tra, truy tố. Cụ thể: sau khi xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T ban hành quyết định trả hồ sơ để điều tra lại. Quá trình điều tra, theo đề nghị của cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T ban hành quyết định gia hạn thời hạn điều tra vụ án với thời hạn 03 tháng kể từ ngày 27/9/2014 đến ngày 27/12/2014. Tuy nhiên, đến ngày 03/3/2015, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T ban hành bản kết luận điều tra bổ sung và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T. Đến ngày 26/10/2016, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T ban hành quyết định thay đổi Kiểm sát viên và ngày 11/4/2017 ban hành cáo trạng mà không có quyết định gia hạn thời hạn điều tra, truy tố là vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát xem xét xử lý, khắc phục vi phạm.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời khai của các bị cáo cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bị cáo H cùng với bị cáo H2 thực hiện hành vi ghi số đề, thắng thua trực tiếp với những người chơi số đề; bị cáo Đ thực hiện hành vi ghi đề cho 02 người sau đó giao lại cho bị cáo H2, H. Do đó, hành vi của các bị cáo H2, H sát phạt trực tiếp với những người chơi số đề đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 248 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Đ là đồng phạm tội “Đánh bạc”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điều 249 là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về tội danh, xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 248 của Bộ luật Hình sự và giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và bổ sung nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T và Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T đã vi phạm về thời hạn tố tụng, kéo dài thời gian giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị cáo. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kiến nghị Hội đồng xét xử yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T và Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T xử lý những sai phạm như trên để hạn chế vi phạm trong thời gian tới là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát và kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T và Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T xử lý những Điều tra viên, Kiểm sát viên có những vi phạm nêu trên.

[2]. Về nội dung vụ án: Vào ngày 05/9/2013, bị cáo Bùi Hữu H đã cùng với Nguyễn Hồng H2 thực hiện hành vi ghi số đề, thắng thua trực tiếp với những người chơi trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương nhằm thu lợi bất chính, bị cáo Nguyễn Thị Đ thực hiện hành vi ghi số đề sau đó giao lại cho H và H2. Cụ thể, ngày 05/9/2013, các bị cáo H, H2 đã ghi số đề cho 11 người chơi (không rõ nhân thân, lai lịch), bị cáo Đ đã ghi số đề cho 02 người chơi. Tổng số tiền các bị cáo ghi số đề và số tiền những người chơi trúng số đề tổng cộng là 7.649.500 (bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm) đồng. Hành vi của các bị cáo H, H2 ghi số đề, thắng thua trực tiếp với những người chơi đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Đ ghi số đề rồi giao lại cho H2, H nên đồng phạm tội “Đánh bạc”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là chưa đúng quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo nhận thức được hành vi ghi số đề, thắng thua trực tiếp với người chơi đề là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật.

[4]. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị sửa bản án sơ thẩm về tội danh, xét xử các bị cáo H, H2, Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 248 của Bộ luật Hình sự và giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo. Căn cứ vào hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo H đã cùng với bị cáo H2 thực hiện hành vi ghi số đề, thắng thua trực tiếp với người chơi đề; bị cáo Đ có vai trò giúp sức cho bị cáo H2, H ghi số đề với tổng số tiền các bị cáo ghi số đề là 7.649.500 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là chưa đúng quy định của pháp luật. Do tính chất, mức hình phạt của tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc” là khác nhau nên cần sửa về phần hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc đề nghị xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” là phù hợp, đối với đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo là chưa phù hợp.

[5]. Xét kháng cáo của bị cáo H: Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” và áp dụng hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 196 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo cùng với các bị cáo khác ghi số đề với số tiền không lớn 7.649.500 (bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm) đồng. Do đó, có căn cứ chấp

nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo, Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là nhằm đáp ứng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo.

[6]. Đối với các bị cáo Nguyễn Hồng H2, Nguyễn Thị Đ tuy không kháng cáo nhưng như đã phân tích ở trên, hành vi của bị cáo H2 là người khởi xướng và trực tiếp ghi số đề, bị cáo Đ ghi số đề sau đó giao lại cho bị cáo H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sửa tội danh và hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp với tội danh, hành vi của các bị cáo.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Hữu H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Hữu H về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2017/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Bùi Hữu H, Nguyễn Hồng H2 và Nguyễn Thị Đ:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Hữu H, Nguyễn Hồng H2 và Nguyễn Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu H 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/9/2013 đến ngày 11/9/2013.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H2 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 05/9/2017).

Giao bị cáo H2 về Ủy ban nhân dân phường C1, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 30 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 98; khoản 1 và khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Bùi Hữu H không phải nộp.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí, về xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thành phố T; | 2 |
| - VKSND thành phố T; | 1 |
| - Chi cục THADS thành phố T; | 1 |
| - CQCSĐT CA thành phố T; | 1 |
| - Bị cáo; | 3 |
| - UBND phường C1; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu hồ sơ vụ án. | 1 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn